TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THUỶ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2024/HSST
Ngày 23- 8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THUỶ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thuỷ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phan Mạnh Hùng -** Nguyên là giáo viên. Hiện nay, Phó phòng Văn hóa và thông tin – UBND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
2. Ông **Đoàn Hồng Canh –** Cán bộ nghỉ hưu tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Đoàn Hồng Quang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Xuân B**, sinh ngày 24/3/2000; tại huyện T; Nơi cư trú: Khu 8, xã S, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Quang T, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977; Có vợ con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/8/1996; tại huyện A, thành phố H; Nơi cư trú: Thôn 5 Do N, xã T, huyện A, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; Có vợ: Tăng Thị Thuỳ D, sinh năm 2000 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà).

3. Trần Văn D, sinh ngày 21/10/1998; tại huyện B, tỉnh Hải D; ĐKHKTT: Thôn Bá Đ, xã Bình M, huyện B, tỉnh H; Chỗ ở: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1970; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà).

4. Nguyễn Như Q, sinh ngày 23/6/2007(tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 16 tuổi 09 tháng 12 ngày tuổi); tại huyện B, thành phố H; Nơi cư trú: Thôn Quang H, xã Đ, huyện B, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 và bà Đỗ Thị Như V, sinh năm 1981; Chồng con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà **Đỗ Thị Như V**, sinh năm 1981(là mẹ đẻ của bị cáo Q). Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện B, thành phố H.(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lã Thành C**, sinh năm 1986 Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.(Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 13, xã H, huyện T, tỉnh P.

2. Anh Đinh Văn S, sinh năm 1987(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 17, xã T, huyện T, tỉnh P.

3. Anh Phạm Quang T, sinh năm 1995(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện T, tỉnh P.

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1996(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

5. Anh Hoàng Hải T, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, Hải D.

6. Chị Hoàng Khánh L, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 9, xã H, huyện T, tỉnh P.

7. Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 2009. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã D, huyện T, V.

8. Chị Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn Xuân D, xã T, huyện S, H.

Người được ủy quyền: Anh Trần Văn D, sinh năm 1995(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P

9. Chị Hầu Thị H, sinh năm 2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Q, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 04/4/2024, Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Như Q, Trần Văn D, Phạm Quang T, Nguyễn Văn M, Hoàng Hải T, Hoàng Khánh L, Vũ Thị

Thu H, Nguyễn Thị Minh A và Hầu Thị H đến cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke và nhà nghỉ Phương L (do anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980, trú tại khu 13, xã H, huyện T, tỉnh P làm chủ) gặp anh Đinh Văn S, sinh năm 1987, trú tại khu 17, xã T, huyện T, tỉnh P (là nhân viên) thuê phòng hát 205 để hát, uống rượu bia và sử dụng khí cười.

Đến khoảng 2 giờ 30 phút, B nảy sinh ý định sử dụng ma tuý ketamine nên đã đi xuống quầy lễ tân gặp Đinh Văn S đặt thuê phòng nghỉ 302 rồi quay lại phòng hát 205 lấy 01 gói ma tuý ketamine mang theo từ trước và 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5000đ của B đưa cho Q và bảo Q cầm lên phòng nghỉ 302 chế biến cho B thì Q đồng ý. Khi vào phòng nghỉ 302, Q đổ một phần ma tuý ketamine trong túi nilon ra tờ tiền rồi dùng bật lửa mang theo từ trước hơ nóng mặt dưới tờ tiền. Sau khi chế biến ma túy xong, Q gấp gọn tờ tiền bên trong có ma tuý Ketamine và cất giấu vào trong phần đui đèn ngủ đặt trên kệ kê ở đầu giường trong phòng, còn túi nilon chứa ma tuý Ketamine còn lại Q cất giấu vào trong giỏ đựng bàn chải đánh răng để trên mặt kệ rồi đi xuống phòng hát 205 thông báo cho B biết đã chế biến ma tuý xong. Thấy vậy, B bảo H "Bạn chơi Ke không, lên đây làm đường cho tỉnh ngủ", H hiểu ý B muốn rủ H sử dụng ma tuý ketamine nên đồng ý và đi theo B lên phòng nghỉ 302. Khi B và H vào phòng thì không thấy ma tuý nên B nhắn tin qua ứng dụng Mesenger từ tài khoản Facebook "Phạm B" của B đến tài khoản Facebook "Nguyễn Như Q" của Q hỏi chỗ để ma túy, theo chỉ dẫn của Q, B và H tìm thấy tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ chứa ma tuý đã chế biến sẵn và 01 túi nilon chứa số ma túy Ketamine còn lại, chưa chế biến. Do thấy số ma túy đã chế biến ít nên B đổ toàn bộ số ma túy còn lại trong túi nilon ra tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ. Lúc này, B không thấy "tẩu" (dụng cụ để sử dụng ma túy Ketamine) nên nhắn tin hỏi Q thì Q trả lời đang cầm tẩu. Thấy vậy, H lấy tờ tiền mệnh giá 100.000đ của H cuộn tròn lại thành tẩu đưa cho B, B cầm lấy tẩu rồi sử dụng ma tuý bằng cách dùng tẩu hít ma túy vào cơ thể. Sử dụng xong, B đưa tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5000đ chứa ma túy cùng tẩu cho H, H cầm rồi sử dụng ma tuý tương tự như B. Sử dụng xong, H gói lại tờ tiền 5000đ chứa ma túy Ketamine rồi cất giấu vào trong đèn ngủ như trước, tờ tiền mệnh giá 100.000đ dùng làm tẩu H để trên mặt kệ rồi cùng B đi xuống phòng hát 205 tiếp tục nghe nhạc, sử dụng bóng cười.

Tại phòng hát 205, B bảo H nói với mọi người "có ai chơi đồ thì tự lên 302 mà chơi nhé", hiểu ý của B là cho phép mọi người lên phòng nghỉ 302 sử dụng ma túy của mình nên H bảo D "chơi đồ thì lên 302 mà chơi", D hỏi lại "để ở đâu" thì H trả lời "ở trong cái lồng đèn". Sau đó, D rủ T đi lên phòng nghỉ 302, sau khi vào phòng, D tìm thấy tờ tiền 5000đ chứa ma tuý, D sử dụng móng tay xúc ma túy đưa lên mũi hít vào cơ thể. Lúc này ở phòng hát 205, T thấy B trong tình trạng phê ma tuý và cũng muốn sử dụng nên đã hỏi Q thì được Q chỉ lên phòng nghỉ 302. Khi T vào phòng thì gặp D đang sử dụng ma túy, còn T đứng cạnh. Sau khi sử dụng ma túy xong, D đưa cho T tờ tiền 5000đ có chứa ma tuý Ketamine và tẩu hút được làm bằng tờ tiền 100.000đ đang để trên mặt kệ. T cầm lấy tờ tiền chứa ma tuý và tẩu hút rồi sử dụng ma tuý bằng cách dùng tẩu hít ma tuý qua mũi vào cơ thể, sử dụng xong T đưa lại cho D. Thấy T vào phòng nên biết T cũng muốn sử dụng ma tuý nên D đưa tờ tiền chứa ma tuý cùng tẩu hút cho T, T cầm lấy và sử dụng ma tuý tương tự như T. Sử dụng xong, T đưa tờ tiền 5000đ chứa ma tuý cho D để D gói lại rồi cất vào trong lồng đèn như trước, tẩu hút thì T để ở trên mặt kệ rồi cả ba cùng nhau quay trở lại phòng hát 205 để nghe nhạc, phê ma tuý.

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, B và H quay lại phòng nghỉ 302 để tiếp tục sử dụng ma túy Ketamine, tại đây, B lấy tờ tiền 5000đ bên trong có chứa ma túy Ketamine được cất giấu ở trong lồng đèn, H lấy tờ tiền mệnh giá 100.000đ lúc trước cuốn thành tẩu đưa cho B rồi cả hai lần lượt sử dụng hết số ma tuý còn lại. Sau đó, B gấp tờ tiền 5000đ còn bám dính ma túy Ketamine cất giấu vào trong đèn, H cất tờ tiền 100.000đ vào túi quần rồi cùng B quay trở lại phòng hát 205. Đến 05 giờ 40 phút thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T kiểm tra phát hiện thu giữ: 10 vỏ bóng bay màu trắng, chưa qua sử dụng; 78 vỏ bóng bay màu trắng đã qua sử dụng; 04 bình kim loại màu xanh dương, phần nắp có van khoá, đã qua sử dụng, phần van xả khí đã mở hết (các đối tượng khai nhận các bình kim loại nêu trên chứa khí N2O (khí cười) mà các đối tượng mua của quán Karaoke Phương L để sử dụng trong quá trình bật nhạc, hát karaoke tại quán); 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ, trên bề mặt tờ tiền có bám dính chất tinh thể màu trắng (H khai nhận tờ tiền trên H dùng làm ống tẩu để cùng Phạm Xuân B sử dụng ma tuý ketamine); 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ được cuốn lại thành ống tẩu, hai đầu được cố định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng, bên trong ống tẩu có bám dính chất tinh thể màu trắng (thu giữ của Nguyễn Như Q, Q khai nhận đây là tờ tiền Q và một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể dùng để sử dụng ma túy ketamine vào ngày 04/4/2024 tại một quán karaoke Q không nhớ rõ địa chỉ trên địa bàn thành phố H); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu trắng, lắp sim số điện thoại 0924032000 (thu giữ của Phạm Xuân B); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0359374955 (thu giữ của Nguyễn Ngọc H); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, lắp sim số điện thoại 0366440885 (thu giữ của Phạm Quang T); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0929710222 (thu giữ của Trần Văn D); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0338693398 (thu giữ của Hoàng Hải T); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0368867685 (thu giữ của Nguyễn Như Q); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xám, lắp sim số điện thoại 0325276654 (thu giữ của Nguyễn Thị Minh A).

Kiểm tra khu vực quầy lễ tân quán karaoke Phương L thu giữ 01 bình kim loại màu xanh lá cây, phần nắp có van khoá, chưa qua sử dụng (Nguyễn Văn P – lễ tân của quán khai nhận đây bình kim loại chứa khí N2O (khí cười) của quán karaoke Phương L dùng để bán cho khách).

Khám nghiệm hiện trường tại phòng nghỉ 302 nhà nghỉ Phương L thu giữ: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ được gấp lại, bên trong tờ tiền có bám dính chất rắn dạng tinh thể màu trắng.

Về nguồn gốc số ma tuý Ketamine Phạm Xuân B và các đối tượng đã sử dụng vào ngày 04/4/2024 tại phòng nghỉ 302 nhà nghỉ Phương L, theo lời khai của Phạm Xuân B, do B mua của một người nam thanh niên vào khoảng đầu tháng 3/2024, tại khu vực Cổng bệnh viện Sản nhi tỉnh P thuộc địa phận thành phố V, tỉnh P với giá 6.000.000đ, một phần B đã một mình sử dụng hết, phần còn lại B mang đến phòng nghỉ 302 cùng các đối tượng sử dụng vào ngày 04/4/2024.

Tại Bản kết luận giám định số 443/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

"Chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt của 01 (một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (polyme) mệnh giá 100.000 đồng, số Seri HQ17716212, niêm phong trong bì giấy ghi Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Ngọc H gửi đến giám định là ma tuý; loại Ketamine. (Chất tinh thể màu trắng bám dính ở dạng lượng vết nên không xác định được khối lượng trên cân phân tích 3 số).

Chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt của 01 (một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (polyme) mệnh giá 20.000 đồng, niêm phong trong bì giấy ghi Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Như Q gửi đến giám định là ma tuý; loại Ketamine. (Chất tinh thể màu trắng bám dính ở dạng lượng vết nên không xác định được khối lượng trên cân phân tích 3 số).

Chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt của 01 (một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng, niêm phong trong bì giấy ghi Vật chứng tạm giữ của Phạm Xuân B gửi đến giám định là ma tuý; loại Ketamine. (Chất tinh thể màu trắng bám dính ở dạng lượng vết nên không xác định được khối lượng trên cân phân tích 3).

* Ketamine là chất ma túy số thứ tự 40, Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ"

Tại Bản kết luận giám định số 516/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

"Trong mẫu nước tiểu của Phạm Xuân B, Phạm Quang T, Nguyễn Ngọc H, Hoàng Hải T, Trần Văn D và Nguyễn Thị Minh A gửi đến giám định tìm thấy chất ma tuý Norketamine; Dehyronoketamine (là sản phẩm chuyển hoá của chất ma tuý Ketamine).

Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Như Q, Nguyễn Văn M, Hoàng Khánh L, Vũ Thị Thu H, Hầu Thị H gửi đến giám định không tìm thấy chất ma tuý

* Ketamine là chất ma tuý nằm tại vị trí số thứ tự 40 Danh mục III Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ."

Tại bản kết luận giám định số 2722 ngày 19/4/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"Mẫu khí trong bình kim loại hình trụ tròn màu xanh gửi giám định là khí dinitrogen monoxide (nitrous oxide, N20) hay còn gọi là "khí cười"".

Về xác minh tài sản: Các bị cáo đều làm nghề lao động tự do, ngoài những tài sản chung phục vụ sinh hoạt hàng ngày, các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị.

Căn cứ hành vi của Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q, ngày 12/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKSTT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Xử phạt:

1. Bị cáo **Phạm Xuân B** từ 8 năm tù đến 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

2. Bị cáo **Nguyễn Ngọc H** từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

3. Bị cáo **Trần Văn D** từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

4. Bị cáo **Nguyễn Như Q** từ 4 năm 6 tháng tù đến 5 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Như Q là mẹ đẻ bị cáo bà Đỗ Thị Như V: Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

1. Bị cáo Phạm Xuân B xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2. Bị cáo Nguyễn Ngọc H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình.

3. Bị cáo Trần Văn D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình.

4. Bị cáo Nguyễn Như Q xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, các bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc

xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, là phù hợp quy định tại điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên toà các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 04/4/2024, tại phòng nghỉ 302 quán Karaoke - nhà nghỉ Phương L thuộc địa phận khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh P, Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Ketamine.

Hành vi Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

…

b) Đối với 02 người trở lên;".

[2.2] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Hơn nữa, ma túy là hiểm họa của xã hội, Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm loại trừ nhưng tình hình mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy vẫn diễn ra phức tạp. Ma túy cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội ở mức độ rất nghiêm trọng nên phải xét xử và áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Xét nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về vai trò: Trong vụ án này bị cáo Phạm Văn B là người chủ mưu khởi xướng, rủ bị cáo D và rủ T; cung cấp chất ma tuý, địa điểm để tổ chức sử dụng ma tuý. Bị cáo Nguyễn Như Q chế biến ma túy để B sử dụng và chỉ chỗ cho T sử dụng ma tuý.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đối với bị cáo Phạm Xuân B phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là: "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do

đó các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Q có ông bà nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương trong kháng chiến nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về hình phạt chính: Từ sự phân tích trên, xét thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, là những người có nhân thân tốt, có thái độ ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Nguyễn Như Q là người chưa thành niên phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại chương XII Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh tài sản của bị cáo và xác định: Các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q làm nghề lao động tự do, ngoài những tài sản phục vụ sinh hoạt hàng ngày, các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu trắng thu giữ của bị cáo Phạm Xuân B đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Xuân B dùng sử dụng liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước.

Đối với sim số điện thoại 0924.032.000 thu giữ của Phạm Xuân B đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Xuân B dùng sử dụng liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ đựng trong 01 bì niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ ký hiệu PS3A 068910 cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước

Đối với 01 vỏ bì niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ ký hiệu PS3A 068910 cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0359374955 thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc H đây là tài sản hợp pháp của H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0929710222 thu giữ của bị cáo Trần Văn D đây là tài sản hợp pháp của D không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu vàng gold, lắp sim số điện thoại 0368867685 thu giữ của bị cáo Nguyễn Như Q. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Như Q và bà Đỗ Thị Như V là mẹ đẻ của bị cáo Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của bà V do bà mua để sử dụng nhưng bà cho bị cáo Q mượn nên trả lại chiếc điện thoại này cho bà Đỗ Thị Như V là mẹ đẻ của bị cáo Q.

Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho các chủ sở hữu các tài sản:

1. Anh Hoàng Hải T 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, màu vàng gold, số IMEI: 352983092555748, lắp sim số điện thoại 0338.693.398, đã qua sử dụng theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 07/7/2024 là hợp pháp.

2. Anh Phạm Quang T 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, số IMEI: 356725114338694, lắp sim số điện thoại 0366.440.885, đã qua sử dụng theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 07/7/2024 là hợp pháp.

3. Nguyễn Thị Minh A 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xám, số IMEI: 356713110722715, lắp sim số điện thoại 0325.276.654, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho người được uỷ quyền của chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn D theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 07/7/2024 là hợp pháp.

4. Đối với 78 (Bảy mươi tám) vỏ bóng bay màu trắng đã qua sử dụng; 10 (mười) vỏ bóng bay màu trắng chưa qua sử dụng; 04 (bốn) bình kim loại màu xanh dương, phần nắp có van khoá, đã qua sử dụng, phần van xả khí đã mở hết; 01 (một) bình kim loại màu xanh lá cây, phần nắp có van khoá dán 01 dải giấy niêm phong của Viện khoa học hình sự Bộ công an: Quá trình điều tra xác dịnh đây là đồ vật liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoá chất và vật liệu nổ công nghiệp của anh Nguyễn Văn P. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành bàn giao cho Công an huyện T để xử lý theo thẩm quyền theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/7/2024 là hợp pháp.

[2.6] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với người nam thanh niên theo lời khai của Phạm Xuân B đã bán trái phép chất ma tuý cho B vào khoảng giữa tháng 3/2024 tại khu vực Cổng bệnh viện Sản nhi tỉnh P thuộc địa phận thành phố V, tỉnh P, tuy nhiên, B không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này, ngoài lời khai của B thì không có tài liệu nào khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không có cơ sở để xác minh, xử lý là phù hợp.

Đối với Hoàng Hải T, Phạm Quang T và Nguyễn Thị Minh A, qua điều tra xác định, T và T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 04/4/2024 tại phòng nghỉ 302 nhà nghỉ Phương L, Minh A đã có hành vi một mình sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 01/4/2024 tại nhà ở khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh P, hành vi của T, T và Minh A không phải tội phạm, căn cứ khoản 1 điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Hải T, Phạm Quang T và Nguyễn Thị Minh A về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguồn gốc số ma túy Nguyễn Thị Minh A sử dụng vào ngày 01/4/2024 tại nhà ở khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh P, theo lời khai của Minh A, nguồn gốc số ma túy trên do một người khách cho Minh A vào ngày 28/3/2024 tại trước cửa nhà Minh A, Minh A đã một mình sử dụng hết, tuy nhiên, Minh A không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này, ngoài lời khai của Minh A thì không có tài liệu nào khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không có cơ sở để xác minh, xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn P là chủ cơ sở kinh doanh nhà nghỉ - karaoke Phương L, qua điều tra xác định, anh P không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ 302 vào ngày 04/4/2024, tuy nhiên, anh P là chủ cơ sở kinh doanh đã để xảy ra tình trạng người khác sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực nhà nghỉ. Ngoài ra, anh P đã chỉ đạo cho anh Đinh Văn S nhân viên lễ tân cung cấp cho nhóm của B khí dinitrogen monoxide (nitrous oxide, N20) hay còn gọi là *"khí cười"* để sử dụng tại phòng hát 205 đã vi phạm trong lĩnh vực hoá chất và vật liệu nổ công nghiệp. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm của anh Nguyễn Văn P đến UBND huyện T để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Đinh Văn S (là nhân viên lễ tân), khi cho Phạm Xuân B thuê phòng, anh S không biết việc B và các đối tượng sẽ sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ 302 nên anh S không phạm tội là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn M, Hoàng Khánh L, Vũ Thị Thu H và Hầu Thị H không sử dụng trái phép chất ma túy và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[2.7] Về án phí: Các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.8] Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

[2.9] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm 0 khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Phạm Xuân B.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Ngọc H và Trần Văn D.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 90, 91, 98, 101; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Như Q.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

1. Bị cáo **Phạm Xuân B 8 (Tám) năm 6(Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

2. Bị cáo **Nguyễn Ngọc H 7 (Bảy) năm 6(Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

3. Bị cáo **Trần Văn D 7 (Bảy) năm 6(Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

4. Bị cáo **Nguyễn Như Q 4 (Bốn) năm 6(Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2; Khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu trắng, số IMEI: 35630.34822.49354, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Phạm Xuân B).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01(một) tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (polyme) mệnh giá 100.000đồng, có số seri HQ17716212; 01(một) tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (polyme) mệnh giá 20.000đồng; 01(một) tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 5.000đồng được đựng trong 01 (một) bì niêm phong số 443/KL – KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ, có mã số PS3A 068910 cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định. Mặt sau được đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) vỏ bì niêm phong số 443/KL – KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ, có mã số PS3A 068910 cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định. Mặt sau được đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và sim số điện thoại 0924.032.000 (thu giữ của bị cáo Phạm Xuân B).

Trả lại cho:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng gold, số IMEI: 35880.03580.26780, lắp sim số điện thoại 0359. 374. 955, đã qua sử dụng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Trần Văn D 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu vàng gold, số IMEI: 35391.51032.42345, lắp sim số điện thoại 0929. 710. 222, đã qua sử dụng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Bà Đỗ Thị Như V 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu vàng gold, số IMEI: 35671.41185.97919, lắp sim số điện thoại 0368.867.685, đã qua sử dụng. (Thu giữ của bị cáo Nguyễn Như Q).

(Các đồ vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2024).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Xuân B, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn D và Nguyễn Như Q phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Bản án kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện T;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Người có QLVNVLQ;
- NĐDHPCBC; NBCCBC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thuỷ